TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HẢI DƯƠNG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **91**/2019/HSST
Ngày: **23/5/2019**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Khuôn** và ông **Nguyễn Thị Liên.**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà ***Nguyễn Hoàng Phương***- Thư ký Tòa án - Toà án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà: Bà **Bùi Thị Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 85/2019/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/HSST-QĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Ngọc D**, sinh năm 1979; Giới tính: Nam. Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Số 14/687 Lê Thanh N, phường HT, thành phố H, tỉnh Hải Dương.Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Bùi Ngọc D1, sinh năm 1943 và bà Hà Thị L, sinh năm 1947. Ông D1 và bà L đều được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Gia đình có bốn anh em, bị cáo là con thứ ba. ***Tiền án, tiền sự:*** Không. ***Nhân thân:*** Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 145 ngày 01/8/2008 của Công an huyện GL, tỉnh Hải Dương phạt tiền 150.000đồng về hành vi trộm cắp tài sản (đã nộp phạt ngày 05/8/2008). Bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 72/QĐ-CQĐT, kể từ ngày 28/3/2019 đến ngày 28/5/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:* Chị Đồng Thị A, sinh năm 1992

Cư trú tại: Số 150C Chương D, phường Trần P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa;

** Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 2001;

Cư trú tại: Số 714 Lê Thanh N, phường HT, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

2. Ông Ngô Văn Th, sinh năm 1961

Cư trú tại: Số 10/13/780 khu 7, phường Hải T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Phạm Văn Tr, sinh năm 1990.

Cư trú tại: Thôn Bảo T, phường Tân H, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07h00phút ngày 21/02/2019, Bùi Ngọc D đi bộ một mình đến khu vực chợ Hải Tân thuộc phường Hải T, Thành phố H thì thấy ki ốt số B09 của chị Đồng Thị A cư trú tại số 150C Chương D, P. Trần P, Thành phố H mở cửa, không có ai trong ki ốt nên D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D đi vào trong kệ tủ gần cửa ki ốt lấy 01 (một) máy tính bảng Ipad Mini 2, màu bạc cầm về nhà cất giấu. Đến khoảng 12h00phút cùng ngày, D mang chiếc máy tính bảng kể trên đến cửa hàng mua bán sửa chữa điện thoại PG ở số nhà 714 Lê Thanh N, phường Hải T, Thành phố H do anh Phạm Văn Tr làm chủ, bán cho anh Nguyễn Văn P là nhân viên bán hàng được 200.000đ, số tiền trên D đã chi tiêu hết. Ngày 26/02/2019sau khi biết chiếc Ipad là tài sản phạm tội, anh Tr đã tự nguyện giao nộp cho Công an Thành phố H.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 12/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND Thành phố H kết luận: Giá trị 01 (một) chiếc máy tính bảng Ipad Mini 2, 32 GB, 3G, màu bạc kể trên là: 2.600.000 đồng *(Hai triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn)*.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:Ngày 28/3/2019Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H đã trả chị Đồng Thị A chiếc máy tính bảng trên, chị A nhận tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường; bị cáo đã hoàn trả số tiền 200.000đ cho anh Phạm Văn Tr, anh Tr cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi bị cáo đã thực hiện; Người bị hại là chị Đồng Thị A có đơn xác nhận đã nhận lại tài sản là chiếc máy tính bảng Ipad Mini 2, xin được vắng mặt tại phiên tòa,không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Anh Tr xác nhận bị cáo đã hoàn trả cho anh số tiền 200.000đ, anh không

yêu cầu gì đối với bị cáo. Anh đề nghị Hội đồng xét xử không xác định anh còn liên quan gì đến vụ án.

Tại Cáo trạng số 92/CT-VKSNDTPHD ngày 04/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Bùi Ngọc D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáoBùi Ngọc D phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểmh, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc D từ 03(Ba) đến 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết; Về xử lý vật chứng: Không phải giải quyết; Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 vàNghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra (bút lục số 46-50, 57-66), phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản nhận dạng, biên bản quản lý hình ảnh ghi lại từ camera, sơ đồ hiện trường, biên bản xác định hiện trường (bút lục số 26, 33, 39-40, 45, 52-53), lời khai củangười bị hại (Bút lục số 30-32), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bút lục số 42-44), những người làm chứng (bút lục số 34-38) cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07h30phút ngày 21/02/2019, tại ki ốt số B09 thuộc chợ Hải T, P. Hải T, Thành phố H, Bùi Ngọc D đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Ipad mini 2 màu bạc, loại 32Gb của chị Đồng Thị A ở số nhà 150C Chương D, P. Trần P, Thành phố H. Trị giá tài sản chiếm đoạt là 2.600.000đồng *(Hai triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn)*.Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người

khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện, bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; HĐXX cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

[2] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS) của bị cáo thì thấy:Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS; Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bố mẹ của bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đó là các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.HĐXX áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành người có ích cho xã hội và gia đình.

[3] Về hình phạt chính: Xét bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình được qui định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Xét bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và không tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại xác định đã nhận lại tài sản vàkhông yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự. Bị cáo đã hoàn lại số tiền 200.000đ cho anh Tr là người mua chiếc máy tính của bị cáo. Chị A và anh Tr đều không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] *Về những vấn đề khác:*Đối với việc anh Nguyễn Văn P, anh Phạm Văn Tr khi mua, lưu giữ chiếc máy tính bảng Ipad nhưng không biết là tài sản do D phạm tội mà có nên không đặt ra hình thức xử lý là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên buộc phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 vàNghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa áncủa Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc D **04** *(Bốn)* tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

2.Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại (chị A) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố H;
- VKSND Tỉnh Hải Dương;
- Công an Thành phố H;
- Trại giam Kim Chi-Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS Thành phố H;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Sở tư pháp.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Trương Thị Tố Uyên